



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021





**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Xuân Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Hải Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(h)(ii) trong báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó có đề cập việc Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày tại Thuyết minh 3(h)(ii) của báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết luận của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00315-21-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>3.339.070.836.414</b>	<b>4.259.412.442.827</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>306.713.872.503</b>	<b>273.399.825.071</b>
Tiền	111		6.713.872.503	23.399.825.071
Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000.000	250.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>976.000.000.000</b>	<b>1.515.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	976.000.000.000	1.515.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.531.421.885.590</b>	<b>1.746.070.169.167</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.275.267.651.993	1.516.216.346.155
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	33.913.654.950	8.843.685.200
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	223.166.866.953	223.166.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.245.206.328	1.014.765.493
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.171.494.634)	(3.171.494.634)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11(a)</b>	<b>490.832.412.231</b>	<b>696.960.373.839</b>
Hàng tồn kho	141		586.075.922.173	792.156.224.450
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.243.509.942)	(95.195.850.611)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.102.666.090</b>	<b>27.982.074.750</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.797.045.695	641.851.756
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	15.044.598.556	27.340.222.994
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(b)	10.261.021.839	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2.951.677.439.782</b>	<b>2.974.291.047.185</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>122.500.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	122.500.000.000	140.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>269.420.048.909</b>	<b>289.059.153.821</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	268.970.918.795	288.477.435.371
<i>Nguyên giá</i>	222		13.484.121.709.989	13.482.558.481.796
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.215.150.791.194)	(13.194.081.046.425)
Tài sản cố định vô hình	227	13	449.130.114	581.718.450
<i>Nguyên giá</i>	228		59.525.806.512	59.525.806.512
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(59.076.676.398)	(58.944.088.062)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>26.257.591.309</b>	<b>26.167.124.036</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	26.257.591.309	26.167.124.036
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>2.500.656.887.550</b>	<b>2.477.244.782.187</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.242.000.000)	(58.654.105.363)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.842.912.014</b>	<b>41.819.987.141</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		13.087.069.071	17.258.868.161
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		242.438.042	242.438.042
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	19.513.404.901	24.318.680.938
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.290.748.276.196</b>	<b>7.233.703.490.012</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>	<b>1.392.347.027.187</b>	<b>749.779.730.224</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1.392.347.027.187</b>	<b>749.779.730.224</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311 15	293.649.319.750	514.924.608.335
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	255.057.410	255.057.410
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 16(a)	6.764.972.164	88.235.854.265
Phải trả người lao động	314	36.808.165.518	77.952.975.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 17	202.782.176.727	5.688.788.408
Phải trả ngắn hạn khác	319 18	806.875.715.458	58.108.030.708
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 19	45.211.620.160	4.614.415.301
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>4.898.401.249.009</b>	<b>6.483.923.759.788</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 20</b>	<b>4.898.401.249.009</b>	<b>6.483.923.759.788</b>
Vốn cổ phần	411 21	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692.500.615	11.692.500.615
Vốn khác của chủ sở hữu	414	241.388.997.987	241.388.997.987
Cổ phiếu quỹ	415	(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
Quỹ đầu tư phát triển	418 23	1.211.681.713.279	910.549.826.507
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	258.676.405.847	2.145.330.803.398
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	1.278.509.227.811
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	258.676.405.847	866.821.575.587
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>6.290.748.276.196</b>	<b>7.233.703.490.012</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>2.297.474.471.005</b>	<b>4.499.702.172.079</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>2.343.423.218.016</b>	<b>4.165.101.949.822</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>(45.948.747.011)</b>	<b>334.600.222.257</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	329.431.417.936	180.167.542.447
Chi phí tài chính	22	28	(23.415.105.363)	(6.521.867.778)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.194.283.150
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	50.233.086.247	38.782.071.673
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 – 22) – 26}</b>	<b>30</b>		<b>256.664.690.041</b>	<b>482.507.560.809</b>
Thu nhập khác	31		2.277.831.746	861.572.303
Chi phí khác	32		286.567.260	554.443.774
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.991.264.486</b>	<b>307.128.529</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>258.655.954.527</b>	<b>482.814.689.338</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>(20.451.320)</b>	<b>67.809.783.350</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>258.676.405.847</b>	<b>415.004.905.988</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	807	1.294

Người lập:

**Đinh Thị Diễm Quỳnh**  
 Kế toán tổng hợp

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người duyệt:

**Lê Thế Sơn**  
 Kế toán trưởng



**Vũ Xuân Dũng**  
 Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>258.655.954.527</b>	<b>482.814.689.338</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	21.106.117.332	18.535.498.535
Các khoản dự phòng	03	(21.658.586.126)	(7.220.011.394)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(329.431.417.936)	(180.167.542.447)
Chi phí lãi vay	06	-	2.194.283.150
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(71.327.932.203)</b>	<b>316.156.917.182</b>
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	276.894.728.642	(16.655.666.698)
Biến động hàng tồn kho	10	209.179.718.408	(80.015.998.910)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(55.736.815.458)	(153.625.110.947)
Biến động chi phí trả trước	12	(3.983.394.849)	(11.738.098.826)
		<b>355.026.304.540</b>	<b>54.122.041.801</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.304.837.128)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(90.766.388.013)	(63.258.099.186)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.026.724.618)	(27.293.744.084)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>238.233.191.909</b>	<b>(38.734.638.597)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.653.695.466)	(19.359.539.174)
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(676.000.000.000)	(670.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	1.232.500.000.000	1.047.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27	269.219.575.470	131.950.625.421
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>824.065.880.004</b>	<b>490.091.086.247</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	-	1.528.889.057.361
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.655.442.708.169)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.028.985.024.481)	(550.460.072.950)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.028.985.024.481)</b>	<b>(677.013.723.758)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>33.314.047.432</b>	<b>(225.657.276.108)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>273.399.825.071</b>	<b>240.627.598.805</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>306.713.872.503</b>	<b>14.970.322.697</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

Ngày 26 tháng 1 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 1 năm 2007 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là PPC.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 848 nhân viên (1/1/2021: 854 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong Thuyết minh 3(f)(i) và Thuyết minh 3(h)(ii).

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong kỳ hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng cơ bản tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**(ii) Sửa chữa lớn tài sản cố định**

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của VAS 18 thì giá vốn hàng bán sẽ giảm 193.572.095.421 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 38.714.419.084 VND và 154.857.676.337 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: giá vốn hàng bán sẽ giảm 311.145.311.710 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 62.229.062.342 VND và 248.916.249.368 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020); các tài khoản “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ tăng lần lượt là 38.714.419.084 VND và 154.857.676.337 VND, và tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ giảm số tiền là 193.572.095.421 VND (1/1/2021: Không).

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí khôi phục hiện trường**

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa thu từ phát hành và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh điện
- Hoạt động đầu tư

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận.



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	2.297.474.471.005	4.499.702.172.079	329.431.417.936	180.167.542.447	2.626.905.888.941	4.679.869.714.526
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(72.766.727.895)	302.340.018.362	329.431.417.936	180.167.542.447	256.664.690.041	482.507.560.809
Thu nhập khác					2.277.831.746	861.572.303
Chi phí khác					286.567.260	554.443.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(20.451.320)	67.809.783.350
Lợi nhuận thuần sau thuế					258.676.405.847	415.004.905.988
Tổng tài sản	2.355.390.672.378	2.825.469.834.023	3.935.357.603.818	4.408.233.655.989	6.290.748.276.196	7.233.703.490.012
Tổng nợ phải trả	586.345.232.257	692.271.682.189	806.001.794.930	57.508.048.035	1.392.347.027.187	749.779.730.224

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiêu vốn	1.653.695.466	19.359.539.174	-	-	1.653.695.466	19.359.539.174
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	21.069.744.769	18.595.209.384	-	-	21.069.744.769	18.595.209.384
Khấu hao tài sản cố định vô hình	132.588.336	63.329.823	-	-	132.588.336	63.329.823

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.384.069	2.623.485
Tiền gửi ngân hàng	6.709.488.434	23.397.201.586
Các khoản tương đương tiền	300.000.000.000	250.000.000.000
	306.713.872.503	273.399.825.071

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 3,9% (1/1/2021: từ 3% đến 5%).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	976.000.000.000	1.515.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,3% đến 5,5% (1/1/2021: 3,3% đến 7%).



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2021 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	2.324.315.000.000
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	-	1.044.939.532.200
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	96.996.000.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	9.002.937	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	126.041.118.000
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	11.311.657	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	162.887.860.800
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(35.242.000.000)	11.256.000.000
				<b>1.084.843.117.400</b>	<b>(35.242.000.000)</b>	<b>1.442.120.511.000</b>
				<b>2.535.898.887.550</b>	<b>(35.242.000.000)</b>	<b>3.766.435.511.000</b>



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/1/2021 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	2.467.150.000.000
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(7.319.805.363)	809.975.312.037
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	(14.584.800.000)	56.215.200.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	9.002.937	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	116.137.887.300
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	11.311.657	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	165.715.775.050
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(36.749.500.000)	9.748.500.000
				<b>1.084.843.117.400</b>	<b>(58.654.105.363)</b>	<b>1.157.792.674.387</b>
				<b>2.535.898.887.550</b>	<b>(58.654.105.363)</b>	<b>3.624.942.674.387</b>



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	58.654.105.363	54.844.428.571
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(23.412.105.363)	(8.727.543.956)
Số dư cuối kỳ	35.242.000.000	46.116.884.615

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

### (a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.156.115.440.614	1.456.312.782.853
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (i)	3.021.304.520	3.021.304.520
Dự thu lãi tiền gửi và cho vay (ii)	22.138.849.315	20.359.506.849
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii)	90.895.000.000	32.462.500.000
Các khách hàng khác	3.097.057.544	4.060.251.933
	1.275.267.651.993	1.516.216.346.155

- (i) Khoản phải thu này liên quan đến khoản lãi ủy thác đầu tư của Công ty theo Hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 được ký kết với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014. Khoản lãi ủy thác đầu tư này đã được trích lập dự phòng 100% như được trình bày tại Thuyết minh 10.
- (ii) Các khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và cho vay và dự thu cổ tức được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.156.115.440.614	1.456.312.782.853
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	90.895.000.000	32.462.500.000
	<b>1.247.010.440.614</b>	<b>1.488.775.282.853</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ kỹ thuật DTL	25.069.969.750	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	8.843.685.200	8.843.685.200
	<b>33.913.654.950</b>	<b>8.843.685.200</b>

**9. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2021</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2021</b>
		<b>Tăng</b>	<b>Thu hồi</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	223.166.866.953	17.500.000.000	(17.500.000.000)	223.166.866.953
	<b>223.166.866.953</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>(17.500.000.000)</b>	<b>223.166.866.953</b>

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản cho vay dài hạn	345.666.866.953	363.166.866.953
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(223.166.866.953)	(223.166.866.953)
	<b>122.500.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
• Khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên), công ty mẹ	VND	6,8%	2022	188.166.866.953	188.166.866.953
• Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	VND	8,5%	2025	157.500.000.000	175.000.000.000
				<u>345.666.866.953</u>	<u>363.166.866.953</u>

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/6/2021		1/1/2021					
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH Quản lý	>3 năm	3.021.304.520	(3.021.304.520)	-	>3 năm	3.021.304.520	(3.021.304.520)	-
Quỹ Đầu tư Chứng	>3 năm	150.190.114	(150.190.114)	-	>3 năm	150.190.114	(150.190.114)	-
Khoản Bảo Việt								
Phải thu khác								
		<b>3.171.494.634</b>	<b>(3.171.494.634)</b>	<b>-</b>		<b>3.171.494.634</b>	<b>(3.171.494.634)</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.171.494.634	18.199.642.746
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(8.692.746)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.171.494.634</b>	<b>18.190.950.000</b>

## 11. Hàng tồn kho

### (a) Hàng tồn kho

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật tư và nhiên liệu	583.142.132.233	(93.851.371.415)	789.717.907.976	(93.802.729.794)
Công cụ và dụng cụ	2.914.898.086	(1.392.138.527)	2.403.424.620	(1.393.120.817)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.891.854	-	34.891.854	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>586.075.922.173</b>	<b>(95.243.509.942)</b>	<b>792.156.224.450</b>	<b>(95.195.850.611)</b>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	95.195.850.611	95.592.419.555
Trích lập dự phòng trong kỳ	532.170.621	225.174.474
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(484.511.290)	(347.268.872)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>95.243.509.942</b>	<b>95.470.325.157</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	194.324.425.847	(174.811.020.946)	197.423.841.978	(173.105.161.040)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	173.105.161.040	170.917.590.701
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.350.479.971	1.958.948.034
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(644.620.065)	(320.628.328)
Số dư cuối kỳ	174.811.020.946	172.555.910.407



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.708.812.563.537	11.586.422.911.069	115.287.052.539	65.912.744.376	6.123.210.275	13.482.558.481.796
Tăng trong kỳ	-	1.409.433.182	-	153.795.011	-	1.563.228.193
Số dư cuối kỳ	1.708.812.563.537	11.587.832.344.251	115.287.052.539	66.066.539.387	6.123.210.275	13.484.121.709.989
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.508.731.423.790	11.557.948.448.255	75.149.381.010	49.594.669.173	2.657.124.197	13.194.081.046.425
Khấu hao trong kỳ	11.711.142.188	2.533.491.059	2.880.435.570	3.505.383.504	439.292.448	21.069.744.769
Số dư cuối kỳ	1.520.442.565.978	11.560.481.939.314	78.029.816.580	53.100.052.677	3.096.416.645	13.215.150.791.194
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	200.081.139.747	28.474.462.814	40.137.671.529	16.318.075.203	3.466.086.078	288.477.435.371
Số dư cuối kỳ	188.369.997.559	27.350.404.937	37.257.235.959	12.966.486.710	3.026.793.630	268.970.918.795

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 12.721 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 12.718 tỷ VND).



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	57.414.901.632	2.110.904.880	59.525.806.512
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	1.529.186.430	58.944.088.062
Khấu hao trong kỳ	-	132.588.336	132.588.336
Số dư cuối kỳ	57.414.901.632	1.661.774.766	59.076.676.398
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	-	581.718.450	581.718.450
Số dư cuối kỳ	-	449.130.114	449.130.114

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 58.700 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 58.700 triệu VND).

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
Số dư đầu kỳ	26.167.124.036	74.790.690.168
Tăng trong kỳ	90.467.273	15.367.340.903
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	90.467.273	11.528.631.447
<i>Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	-	3.838.709.456
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	-	(44.046.069.295)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(14.585.848.128)
	26.257.591.309	31.526.113.648

Số dư xây dựng cơ bản dở dang lớn thể hiện các công trình trong giai đoạn xây dựng.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	199.827.245.462	132.009.361.256
Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	50.749.094.214	97.286.903.327
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	223.255.830	72.454.131.372
Các nhà cung cấp khác	42.849.724.244	213.174.212.380
	<hr/>	<hr/>
	293.649.319.750	514.924.608.335

**(b) Phải trả người bán là bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	8.356.445.476	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	1.190.000.000	1.190.000.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	Số đã nộp VND	Phân loại lại VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	229.800.693.483	(205.109.286.400)	(39.736.005.639)	15.044.598.556	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.525.817.494	(20.451.320)	-	(90.766.388.013)	10.261.021.839	-
Thuế tài nguyên	7.195.954.545	30.720.748.365	-	(31.356.747.405)	-	6.559.955.505
Tiền thuế đất	-	12.606.635.000	-	(12.606.635.000)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	415.091.039	6.491.472.332	-	(6.701.546.712)	-	205.016.659
Các loại thuế khác	98.991.187	16.878.087.088	-	(16.977.078.275)	-	-
	88.235.854.265	296.477.184.948	(205.109.286.400)	(198.144.401.044)	25.305.620.395	6.764.972.164

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	Số đã nộp VND	Phân loại lại VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	27.340.222.994	177.769.063.406	(205.109.286.400)	-	15.044.598.556	15.044.598.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	10.261.021.839	10.261.021.839
	27.340.222.994	177.769.063.406	(205.109.286.400)	-	25.305.620.395	25.305.620.395

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (Thuyết minh 3(h)(ii))	193.572.095.421	-
Chi phí khác	9.210.081.306	5.688.788.408
	<u>202.782.176.727</u>	<u>5.688.788.408</u>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	806.001.794.930	57.508.048.035
Phải trả khác	873.920.528	599.982.673
	<u>806.875.715.458</u>	<u>58.108.030.708</u>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.614.415.301	5.260.906.764
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	66.720.145.250	27.125.704.125
Sử dụng trong kỳ	(26.026.724.618)	(27.293.744.084)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ	(96.215.773)	(123.040.672)
	<u>45.211.620.160</u>	<u>4.969.826.133</u>



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	3.262.350.000.000	11.692.500.615	201.540.445.576	(87.388.368.719)	795.808.427.927	1.780.837.936.927	5.964.840.942.326
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	415.004.905.988	415.004.905.988
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	16.847.222.747	-	(16.847.222.747)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	154.589.950.991	(154.589.950.991)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(27.125.704.125)	(27.125.704.125)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(320.613.054.000)	(320.613.054.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	3.262.350.000.000	11.692.500.615	218.387.668.323	(87.388.368.719)	933.551.156.171	1.693.514.133.799	6.032.107.090.189
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	596.031.238.499	596.031.238.499
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	23.001.329.664	-	(23.001.329.664)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(112.214.568.900)	(112.214.568.900)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	3.262.350.000.000	11.692.500.615	241.388.997.987	(87.388.368.719)	910.549.826.507	2.145.330.803.398	6.483.923.759.788
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	258.676.405.847	258.676.405.847
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	301.131.886.772	(301.131.886.772)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(66.720.145.250)	(66.720.145.250)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(1.777.478.771.376)	(1.777.478.771.376)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	3.262.350.000.000	11.692.500.615	241.388.997.987	(87.388.368.719)	1.211.681.713.279	258.676.405.847	4.898.401.249.009

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.206.130.540.000	320.613.054	3.206.130.540.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	77.396.260	773.962.600.000	24,14%
Các cổ đông khác	76.824.898	768.248.980.000	23,96%
	320.613.054	3.206.130.540.000	100,00%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên), được thành lập tại Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 1.889.693.340.276 VND (tương đương 5.894 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020, trong đó có khoản cổ tức 112.214.568.900 VND (tương đương 350 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: phân phối khoản cổ tức 801.532.635.000 VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó có khoản cổ tức 480.919.581.000 VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	910.549.826.507	795.808.427.927
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	301.131.886.772	154.589.950.991
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	(16.847.222.747)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.211.681.713.279</b>	<b>933.551.156.171</b>

**24. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

***Cam kết thuê***

Cam kết thuê chủ yếu đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	24.380.051.060	13.914.778.000
Từ hai đến năm năm	97.520.204.240	55.659.112.000
Sau năm năm	735.464.873.643	426.719.858.667
<b>Tổng cộng</b>	<b>857.365.128.943</b>	<b>496.293.748.667</b>



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	2.290.729.117.922	4.488.374.889.918
▪ Doanh thu bán xỉ và phế liệu	6.745.353.083	11.327.282.161
	2.297.474.471.005	4.499.702.172.079

**26. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	1.865.650.614.670	3.565.336.821.138
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	202.017.786.536	314.984.021.166
Chi phí nhân công	99.323.908.638	107.338.688.063
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.753.519.237	1.516.225.308
Chi phí bảo trì	69.084.087.534	34.297.117.034
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.184.508.571	16.580.521.149
Chi phí điện mua ngoài	25.318.302.933	18.488.461.974
Chi phí thuế, phí và lệ phí	39.837.539.923	62.080.661.463
Chi phí khác	21.252.949.974	44.479.432.527
	2.343.423.218.016	4.165.101.949.822

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	42.483.005.136	37.332.542.447
Thu nhập cổ tức	286.948.412.800	142.835.000.000
	329.431.417.936	180.167.542.447



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	-	2.194.283.150
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(23.412.105.363)	(8.727.543.956)
Chi phí tài chính khác	(3.000.000)	11.393.028
	(23.415.105.363)	(6.521.867.778)

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	13.104.911.889	13.933.468.785
Chi phí vật tư quản lý	1.396.464.921	812.678.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.759.241.501	1.737.077.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.547.594.514	4.617.222.091
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.288.776.257	8.491.052.621
Chi phí khác	18.136.097.165	9.190.572.198
	50.233.086.247	38.782.071.673

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	1.864.602.769.773	3.565.336.821.138
Chi phí nhân công và nhân viên	112.428.820.527	121.272.156.848
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.943.750.072	18.317.598.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.225.890.427	38.914.339.125
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	202.017.786.536	314.984.021.166
Chi phí thuế, phí và lệ phí	52.140.695.270	62.080.661.463
Chi phí khác	111.296.591.658	82.978.422.862

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	67.897.725.533
Dự phòng thừa trong những năm trước	(20.451.320)	(87.942.183)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	(20.451.320)	67.809.783.350

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	258.655.954.527	482.814.689.338
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	51.731.190.905	96.562.937.868
Thu nhập không bị tính thuế	(57.389.682.560)	(28.567.000.000)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	(219.665.830)	(131.812.335)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	5.854.757.485	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	23.400.000	33.600.000
Dự phòng thừa trong những năm trước	(20.451.320)	(87.942.183)
	(20.451.320)	67.809.783.350

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 20% đối với lợi nhuận trước thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	258.676.405.847	415.004.905.988
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	258.676.405.847	415.004.905.988

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	320.613.054	320.613.054
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
	320.613.054	320.613.054

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Thu nhập lãi cho vay	6.906.909.722	10.138.916.667
Thu hồi khoản cho vay	17.500.000.000	17.500.000.000
Mua điện	25.318.302.933	18.488.461.974
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên)</b>		
Thu nhập lãi cho vay	5.047.158.057	6.587.669.744
Chia cổ tức	922.476.671.424	166.391.896.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Doanh thu bán điện	2.290.067.723.019	4.487.454.261.475
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng</b>		
Cổ tức được chia	282.423.750.000	142.835.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.248.600	149.701.792
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam</b>		
Lãi chậm trả cổ tức	-	429.533.068
Cổ tức được chia	4.524.662.800	-
<b>Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin</b>		
Mua dịch vụ	42.842.836	-
<b>Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh</b>		
Mua dịch vụ	126.560.000	-

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Giá trị giao dịch**  
**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2021                      30/6/2020**  
**VND                                      VND**

**Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng**  
**Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thủy	249.463.600	248.684.800
Ông Nguyễn Quang Quyền	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	36.000.000	36.000.000
Ông Vũ Xuân Dũng	36.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Quyền (là Thành viên Hội đồng		
Quản trị đến ngày 30 tháng 3 năm 2020)	-	18.000.000

**Tổng Giám đốc**

Tiền lương và thưởng	212.205.200	212.152.800
----------------------	-------------	-------------

**Thành viên khác của Ban Giám đốc**

Tiền lương và thưởng	356.069.200	341.239.600
----------------------	-------------	-------------

**Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách**

Tiền lương và thưởng	162.554.400	170.752.800
----------------------	-------------	-------------

**Thành viên khác của Ban kiểm soát**

Thù lao	60.000.000	60.000.000
---------	------------	------------

**34. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



**Đinh Thị Diễm Quỳnh**  
*Kế toán tổng hợp*

Người duyệt:



**Lê Thế Sơn**  
*Kế toán trưởng*

**Vũ Xuân Dũng**  
*Phó Tổng Giám đốc*



